

Số: 360 /KH-MNĐP

Đa Phúc, ngày 01 tháng 10 năm 2024

KẾ HOẠCH
Công tác thu, chi năm học 2024 – 2025

Căn cứ Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GD&ĐT ban hành điều lệ ban đại diện cha mẹ học sinh.

Căn cứ Thông tư 48/2011/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Bộ GD&ĐT Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non.

Căn cứ Thông tư 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/05/2012 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định về dạy, học thêm.

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ GD&ĐT quy định về công khai trong cơ sở giáo dục.

Căn cứ Nghị Quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của UBND TP Hải Phòng Quy định mức thu học phí năm học 2020-2021 đối với các trường công lập (GDMN, Phổ thông và giáo dục thường xuyên) trên địa bàn TP Hải Phòng;

Căn cứ Nghị Quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của UBND thành phố Hải Phòng Quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu – chi đối với dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Công văn số 1336/CTHPH-NVDTPC ngày 31/3/2023 của Chi cục thuế Hải Phòng về việc hướng dẫn chính sách thuế áp dụng đối với cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của hội đồng nhân dân thành phố về sửa đổi bổ sung điều 3 NQ số 02/2022-HĐND ngày 20/07/2022.

Căn cứ Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố từ năm học 2024-2025;

Căn cứ hướng dẫn Liên sở số 86/HDLS-GD&ĐT-STC ngày 25/01/2024 về thực hiện cơ chế quản lý thu chi theo NQ 08/HĐND thành phố.

Căn cứ Hướng dẫn liên sở số 1044/HDLS-GD&ĐT-STC ngày 19/8/2024 của liên Sở Giáo dục &Đào tạo và sở Tài chính về thực hiện thu và sử dụng

học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ năm học 2024-2025;

Căn cứ Công văn số 2773/SGDDĐT-KHTC ngày 12/9/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về tăng cường công tác quản lý các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024 -2025 sau cơn bão số 3 (bão Yagi);

Căn cứ Công văn số 773/GD&ĐT ngày 29/8/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận về việc thực hiện các khoản thu học trong lĩnh vực giáo dục đào tạo năm học 2024-2025.

Trường mầm non Đa Phúc xây dựng kế hoạch thu – chi các nguồn quỹ trong nhà trường năm học 2024-2025 như sau:

Dự kiến thu và chi như sau:

I. KẾ HOẠCH THU, CHI NĂM HỌC 2024-2025:

1. Đối với khoản thu phục vụ tổ chức bán trú:

1.1 Tiền ăn: 26.000đ/ trẻ/ngày

Trong đó:	- Tiền ga:	2.500đ		
	- Uống sữa 9h		- Bữa trưa:	
	+ Nhà trẻ:	3.400đ	+ Nhà trẻ:	10.100đ
	+ Mẫu giáo:	4.700đ	+ Mẫu giáo:	12.400đ
	- Bữa chiều			
	+ Nhà trẻ:	10.000đ		
	+ Mẫu giáo:	6.400đ		

1.2 Mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú:

Nhà trẻ: 70HS; Mẫu giáo: 315HS (385 HS)

Dự kiến chi cho học sinh như sau:

* Phân chi tháng:

Stt	Nội dung mua sắm	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Giấy vệ sinh: MG 01 trẻ x 1 cuộn/trẻ/tháng x 315 trẻ; NT 01 trẻ x 2cuộn/trẻ/tháng x 70 trẻ	Cuộn	455	5.000	2.275.000
2	Kem đánh răng 5 tuổi 0,5 tuýp/ trẻ/ tháng x 142HS	Hộp	71	15.000	1.065.000
3	Xà phòng laiboy: 0,1 bánh/trẻ/tháng x 385 HS	Bánh	39	15.000	585.000
4	Lau sàn: 385 HS x 0,1 chai/HS/tháng	Chai	39	30.000	1.170.000
5	Vim vệ sinh: 385 HS x 0,1 chai/HS/tháng	Chai	39	26.000	1.014.000

6	Xà phòng giặt Ô mô: MG 01 trẻ x 0,05kg/trẻ/tháng x 315 trẻ = 16kg; NT 01 trẻ x 0,2kg/trẻ/tháng x 70 trẻ = 14kg	Kg	30	50.000	1.500.000
	Tổng chi 1 tháng				7.609.000
	Tổng chi 9 tháng				68.481.000

* Phần chi năm:

St t	Nội dung mua sắm	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Gối 01 chiếc/HS x 385HS	Chiếc	385	35.000	13.475.000
2	Khăn mặt (1cháu 2 khăn/năm)	Chiếc	770	15.000	11.550.000
3	Ca nox 01 chiếc/HS x 79HS	Chiếc	79	20.000	1.580.000
4	Thìa 01 chiếc/HS x 79HS	Chiếc	79	10.000	790.000
5	Bát nox 01 chiếc/HS x 79HS	Chiếc	79	15.000	1.185.000
	Tổng chi				28.580.000 0

* **Mức thu học sinh cũ NT+MG học sinh cũ: Mức thu: 200.000đ/trẻ/năm**

* **Mức thu học sinh mới NT+MG học sinh mới: Mức thu: 360.000đ/trẻ/năm**

Số học sinh cũ là 306HS*200.000đ=61.200.000đ

Số học sinh mới là 79HS*360.000đ=28.440.000đ

Tổng số tiền thu được: 89.640.000đ/năm

2. Đối với khoản thu chăm sóc bán trú

2.1 Hỗ trợ người nấu ăn, chăm ăn, công tác quản lý

* Dự kiến chi cô nuôi như sau:

STT	Họ và tên	Mức lương tối thiểu vùng tăng thêm 7% (4.960.000*7%)	Thành phố trợ cấp 1,86 X 2.340.000	Còn lại	BH 34%	Phụ cấp	Hỗ trợ CN	Tổng số tiền chi trả
1	Hoàng Thị Hằng	5.307.200	4.352.400	954.800	324.632	1.400.000	3.000.000	5.679.432
2	Hoàng T Vân Học	5.307.200	4.352.400	954.800	324.632	1.300.000	3.000.000	5.579.432
3	Phạm Thị Quyên	5.307.200	4.352.400	954.800	324.632	100.000	3.000.000	4.379.432
4	Phạm Thị Thiệp	5.307.200	4.352.400	954.800	324.632	400.000	3.000.000	4.679.432
5	Phạm T Thúy Nga	5.307.200	4.352.400	954.800	324.632	300.000	3.000.000	4.579.432
6	Lê T Thu Hương	5.307.200	4.352.400	954.800	324.632	100.000	3.000.000	4.379.432

7	Ngô T Minh Chúc	5.307.200	4.352.400	954.800	324.632	100.000	3.000.000	4.379.432
	Cộng	37.150.400	30.466.800	6.683.600	2.272.424	3.700.000	21.000.000	33.656.024

- Tổng chi cô nuôi: 33.656.024 đ/tháng
- 10%BGH: 3.365.602 đ/tháng
- 3% Quản lý quỹ: 1.009.680 đ/tháng
- 3% Phúc lợi: 1.009.680 đ/tháng
- 2% Thuế: 673.120 đ/tháng

Tổng chi 1 tháng: 39.714.108 đ

Tổng chi 9 tháng x 39.714.108 đ = 357.426.974đ /385HS/9 tháng = 103.154đ

Thực Thu là: 120.000đ/HS/tháng

Trong đó:

- Chi: - Cô nuôi: 82%
 - Ban giám hiệu: 10% (chia đều cho Hiệu trưởng và 2 hiệu phó)
 - Quản lý quỹ: 3% (Kế toán: 2%; Văn thư:0.5%; Thủ quỹ: 0.5%)
 - Phúc lợi: 3%
 - Thuế: 2%

2.2 Thu quản lý trẻ ngoài giờ hành chính (đón sớm, gửi muộn):

+ Thu:

Mức thu: 270.000đ/tháng/cháu chung cho 2 độ tuổi Mẫu giáo và Nhà trẻ
Số cháu: 385 cháu x 270.000đ x 9 tháng = 935.550.000 đồng

+ Chi:

- 75% cho giáo viên: 701.662.500 đồng
- 10% ban giám hiệu: 93.555.000đồng (Chia đều cho HT và 2 HP)
- 3% công tác quản lý quỹ: 28.066.500 đồng (Kế toán 2.0%; Văn thư:0.5%; Thủ quỹ 0.5%)
- 10% phúc lợi: 93.555.000 đồng
- 2%: 18.711.000 đồng

2.3 Thu, chi thứ 7 (tự nguyện):

+ Thu:

Mức thu: 50.000đ/ngày/cháu chung cho 2 độ tuổi Mẫu giáo và Nhà trẻ
Số cháu: 385 cháu x 50.000đ x 36 ngày = 693.000.000 đồng.

Trong đó:

+ Chi:

- 75% giáo viên: 519.750.000 đồng
- 10% Phúc lợi: 69.300.000 đồng (Chia đều cho HT và 2 HP)

- 3% Công tác quản lý quỹ: 20.790.000 đồng (Kế toán 2.0%; Văn thư:0.5%; Thủ quỹ 0.5%)
- 10% Ban giám hiệu: 69.300.000 đồng
- 2% Thuế: 13.860.000 đồng

3. Khoản thu học thêm

3.1 Tiếng anh yếu tố người việt: (tự nguyện)

Mức thu: 160.000đ/HS/tháng

Chi: 78% học phí trung tâm

22% chi về nhà trường

Trong đó:

- 10% chi Giáo viên hỗ trợ giảng
- 7% công tác quản lý (HT, 2HP: 6%, Kế toán: 1%)
- 3% cơ sở vật chất
- 2% thuế

3.2 Tiếng anh yếu tố người nước ngoài: (tự nguyện)

Mức thu: 240.000đ/HS/tháng

Chi: 78% học phí trung tâm

22% chi về nhà trường

Trong đó:

- 10% chi Giáo viên hỗ trợ giảng
- 7% công tác quản lý (HT, 2HP: 6%, Kế toán: 1%)
- 3% cơ sở vật chất
- 2% thuế

4.1 Điện nước:

Dự kiến chi:

Stt	Nội dung chi	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Điều hòa: 2000W 1 giờ = 2 số điện x 25 máy x 6 giờ x 26 ngày x 4 tháng : 9 tháng = 3.447 số điện	Tháng	3.447	1.886	6.501.042
2	Bình nóng lạnh 2000W 1 giờ = 2 số điện x 15 máy x 4 giờ x 26 ngày x 5 tháng : 9 tháng = 1.733 số điện	Tháng	1.733	1.886	3.268.438
3	Sửa chữa điều hòa, quạt, mua bổ sung thiết bị điện, nước, thiết bị vệ sinh, trong năm học	Tháng	01	15.000.000	15.000.000
	Cộng				24.769.480

	Tổng chi 9 tháng					222.925.320
--	-------------------------	--	--	--	--	--------------------

- Tổng số tiền chi là 222.925.320đ/385HS/ 9 tháng = 64.337/HS/tháng

4. Tổng hợp dự kiến các khoản thu năm học 2024-2025:

STT	Nội dung thu	Số tiền thu				Hình thức thu
		5T	4T	3T	NT	
I	Thu theo văn bản					
1	Học phí	203.000 (Thành phố hỗ trợ)				
II	Thu theo thỏa thuận					
1	Tiền ăn	26.000	26.000	26.000	26.000	Ngày
2	Mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú	Cháu mới thu: 360.000đ Cháu cũ thu: 200.000đ				Năm
3	Hỗ trợ người nấu ăn	120.000	120.000	120.000	120.000	Tháng
4	Ngoài giờ	270.000	270.000	270.000	270.000	Tháng
5	Học ngày thứ 7	50.000	50.000	50.000	50.000	Ngày
6	Tiếng anh (người việt)	160.000	160.000	160.000		Tháng
	Tiếng anh (người nước ngoài)	240.000	240.000	240.000		Tháng
7	Điện nước	50.000	50.000	50.000	50.000	Tháng

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Năm học 2024-2025 nhà trường thực hiện Công văn số 445/KH-GDĐT ngày 31/7/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận về triển khai giải pháp quản lý các khoản thu và thanh toán không dùng tiền mặt. Yêu cầu bộ phận kế toán phối kết hợp với giáo viên chủ nhiệm các khối lớp hướng dẫn cha mẹ học sinh thực hiện các bước thanh toán tiền học cho con qua ứng dụng SISAP.

Trên cơ sở kế hoạch đã xây dựng nhà trường thực hiện nghiêm túc các khoản thu – chi trên đúng kế hoạch đề ra. Khi có phát sinh thay đổi các danh mục chi nhà trường báo cáo cấp trên và xin ý kiến các bậc phụ huynh thực hiện.

Yêu cầu GVNV nhà trường thực hiện nghiêm túc các hoạt động chăm sóc giáo dục, phối hợp bộ phận kế toán nhà trường thực hiện nghiêm túc công khai các khoản thu trên đảm bảo tính minh bạch đối với cha mẹ học sinh.

Trên đây là kế hoạch thu, chi năm học 2024-2025 của Trường mầm non Đa Phúc rất mong được sự chỉ đạo của các cấp về công tác thu, chi để nhà trường làm tốt trong năm học 2024-2025.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH;
- Phòng GD&ĐT;
- CBGVNV;
- Lưu: VT.

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH


Bùi Thị Thu Huyền



Trần Thị Thu Thủy

